

Số: 21/2025/QĐST-HNGĐ

CP, ngày 02 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của bà Đỗ Thị B và ông Đinh Đức L;
Sau khi nghiên cứu:
- Đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 5 năm 2025 về việc yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị B;
- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 14 tháng 5 năm 2025 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:
Người khởi kiện: Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1973;
Cư trú tại: Xóm G, xã BT, huyện CP, tỉnh HB.
Người bị kiện: Ông Đinh Đức L, sinh năm 1968;
Cư trú tại: Xóm Tr 1, xã NP, huyện CP, tỉnh HB.
- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 14 tháng 5 năm 2025 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 14 tháng 5 năm 2025, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị B và ông Đinh Đức L thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự thỏa thuận và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận như sau:

- Bà Đỗ Thị B được toàn quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt khối tài sản sau bao gồm: 01 thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q

938051, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00086 QSDĐ/KS, số thửa 44, tờ bản đồ số 08, diện tích 692m², gồm 400m² đất thổ cư, 84m² đất vườn và 208m² đất hành lang giao thông, do UBND huyện K nay là huyện CP cấp ngày 12/12/2000, đứng tên hộ bà Đỗ Thị B, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, địa chỉ thửa đất: Xóm G, xã BT, huyện CP, tỉnh HB và toàn bộ tài sản trong nhà như tivi, tủ lạnh, loa ...

- Ông Đinh Đức L được hưởng 01 máy rửa xe và các đồ dùng tư trang cá nhân của ông Lại.

- Bà Đỗ Thị B phải có trách nhiệm trả cho ông Đinh Đức L 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền công sức đóng góp tôn tạo thửa đất và sửa chữa nhà. Ông Đinh Đức L đã nhận số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) từ bà B, số tiền còn lại 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) bà B sẽ có trách nhiệm trả cho ông L mỗi tháng 10.000.000đ (Mười triệu đồng) trả vào ngày 25 (dương lịch) hàng tháng, thời hạn trả từ tháng 6 năm 2025 trở đi cho đến khi trả hết khoản tiền trên.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.4. *Về công nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- VKSND huyện CP;
- THADS huyện CP;
- Các bên tham gia hòa giải;
- UBND xã NP;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Đức Thịnh